

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 103/2020/DS-PT
Ngày: 10-6-2020
Về việc: “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tâm.

Các Thẩm phán: Bà Đặng Thị Đồng;
Ông Trần Quốc Vũ.

Thư ký phiên tòa: Ông Thái Công Hậu – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thị Bé Thi - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 112/2020/TLPT-DS ngày 23 tháng 4 năm 2020, về tranh chấp hợp đồng dân sự “vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2020/DS-ST ngày 02 tháng 3 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 155/2020/QĐPT-DS ngày 05 tháng 05 năm 2020, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Mộng H, sinh năm 1978; địa chỉ cư trú: Số nhà X, đường Phan Huy Ích, Phường Y, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

- Anh Bùi Ngọc Huy, sinh năm 1977; địa chỉ cư trú: Thôn Kim Châu, xã Dray Bhang, huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

- Anh Huỳnh Đình Tuyên, sinh năm 1977; địa chỉ cư trú: Số 309, Lô A, chung cư Xóm Cải, đường Nguyễn Trãi, Phường 8, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh; (theo văn bản ủy quyền đề ngày 07-8-2019); có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Phan Hồng Việt, thuộc Công ty Luật TNHH LVT, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Phạm Văn Th, sinh năm 1934.

2.2. Chị Ngô Phương T, sinh năm 1986.

Cùng địa chỉ cư trú: Số Z, đường Nguyễn Văn Cừ, khu phố A, Phường 2, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Nguyễn Thị Liên, sinh năm 1960; địa chỉ cư trú: Số 73, đường Trần Hưng Đạo, khu phố 4, Phường 2, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh; (theo văn bản ủy quyền ngày 20-8-2019); có mặt.

Người kháng cáo:

- Chị Nguyễn Thị Mộng H – Nguyên đơn;
- Ông Phạm Văn Th và chị Ngô Phương T – Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 05-8-2019 và qua lời trình bày của nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là anh Bùi Ngọc Huy, anh Huỳnh Đình Tuyên trong quá trình giải quyết, tại phiên tòa xét xử trình bày như sau:

Vào tháng 4-2016, ông Phạm Văn Th và chị Ngô Phương T (cháu ngoại của ông Th) cần tiền để gửi cho bà H1 ở nước ngoài, nên ông Th, chị T hỏi vay chị Nguyễn Thị Mộng H số tiền 1.176.575.000 đồng, cụ thể:

+ Ngày 22-4-2016, ông Phạm Văn Th có ký tên trong Giấy viết tay vay của chị Nguyễn Thị Mộng H số tiền 1.176.575.000 đồng, hạn 36 tháng trả theo lãi suất thỏa thuận. Để làm tin, ông Th giao chị H giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng nhà ở và quyền sử dụng đất ở mang tên ông Phạm Văn Th, bà Huỳnh Ngọc T1, có làm giấy tay, ông Th ký, chị T ký làm chứng. Ngoài ra có chị T2 và anh V cùng làm chứng. Tuy nhiên, để đảm bảo thủ tục pháp lý nên chị H đề nghị lập “Hợp đồng vay” có công chứng tại Phòng Công chứng số 1 tỉnh Tây Ninh. Khi đến Phòng công chứng, do ông Phạm Văn Th là người cao tuổi nên Văn phòng công chứng không đồng ý công chứng, vì vậy chị Ngô Phương T mới ký tên người vay trong hợp đồng vay, tính từ ngày 22-4-2016, lãi suất 01%/tháng (hợp đồng được công chứng, chứng thực). Sau khi ký hợp đồng chị H giao trước cho ông Th, chị T số tiền 526.575.000 đồng, việc giao tiền không có chứng từ. Đến ngày 26-4-2016, chị H giao tiếp cho chị T số tiền còn lại là 650.000.000 đồng thông qua hình thức chuyển khoản tại Ngân hàng thương mại Cổ phần Á Châu, chị T đã nhận tiền xong. Ngoài ra, các bên không giao nhận gì khác.

+ Ban đầu, ông Th, chị T trả lãi đầy đủ, đúng hạn và tổng số tiền lãi nguyên đơn nhận được là 44.500.000 đồng và đến nay đã quá hạn trả nợ gốc nhưng cũng không trả tiếp cho chị H khoản tiền gốc, lãi. Ngày 09-7-2019, chị Ngô Phương T có viết Giấy cam kết hẹn 02 tuần trả nợ nhưng vẫn không thực hiện.

Nay chị Nguyễn Thị Mộng H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Phạm Văn Th, chị Ngô Phương T liên đới trả chị H khoản nợ gốc là 1.176.575.000 đồng, cùng tiền lãi 36 tháng (từ ngày 26-5-2016 đến ngày 26-5-2019, tương đương 36%) là 423.567.000 đồng, trừ số lãi đã trả 44.500.000 đồng và tiếp tục tính lãi chậm trả theo luật hiện hành 1,67%/tháng từ tháng 6-2019 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Tại Bản tự khai ngày 25-9-2019 của ông Phạm Văn Th (bị đơn) và quá trình giải quyết, người đại diện theo ủy quyền của ông Th trình bày:

Do con gái của ông là bà Phạm Thị Thanh H1 (hiện đang sinh sống tại Thụy Sĩ), có quen biết với chị Nguyễn Thị Mộng H và vay mượn tiền của chị H (bên nước Thụy Sĩ). Hai bên vay nợ bao nhiêu ông không biết. Ngày 22-4-2016, chị H về Việt Nam gặp ông Th nói với ông và chị Ngô Phương T (con bà H1) để ông Th đứng ra lập giấy vay tiền số tiền 1.176.575.000 đồng mà bà H1 đã vay của chị H trước đó đồng thời chị H yêu cầu ông Th giao giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở của vợ chồng ông cho chị H giữ làm tin. Sau khi chị H làm giấy tay xong đưa cho ông Th có ký tên trong "Giấy vay tiền" do chị T ghi nhưng ông không nhận số tiền nào từ chị H. Sau khi ký xong, chị H yêu cầu cả ông Th, chị T đến Phòng công chứng số 01 để lập Hợp đồng vay tiền cùng ngày 22-4-2016 nhưng khi đến nơi, Phòng công chứng không đồng ý công chứng hợp đồng vay tiền lý do ông Th tuổi đã cao, hơn nữa bà T1 (vợ ông Th đã chết năm 2015) nên Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở được Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh cấp ngày 11-4-2001 ông Th không tự quyết định được mà phải có ý kiến các con nên chị T đứng ra làm hợp đồng vay tiền với chị H mà không có tên của ông Th. Vì vậy, giấy tay ông Th ký ngày 22-4-2016 số tiền 1.176.575.000 đồng được hủy bỏ và được thay thế bằng hợp đồng vay với số tiền 1.176.575.000 đồng do Phòng công chứng số 01 tỉnh Tây Ninh lập giữa chị H với chị T. Lúc này, ông Th yêu cầu chị H trả giấy tay ngày 22-4-2016 nhưng chị H không trả, giữ luôn. Nay ông Phạm Văn Th không đồng ý trả nợ cho chị H. Ông Th yêu cầu chị H giao trả giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở cho ông vì nhà đất này là tài sản chung của ông Th, bà T1, bà T1 chết ông Th cùng các con chưa phân chia thừa kế, vẫn ở trên nhà, đất này.

Tại Bản tự khai ngày 25-9-2019 của chị Ngô Phương T (bị đơn) và quá trình giải quyết, người đại diện theo ủy quyền của chị T trình bày:

Thừa nhận ngày 22-4-2016, chị T có ký hợp đồng với chị Nguyễn Thị Mộng H tại Phòng Công chứng số 01 tỉnh Tây Ninh nội dung vay số tiền 1.176.575.000 đồng, lãi suất, thời hạn vay như lời trình bày của chị H là đúng. Số nợ này là do mẹ chị là bà Phạm Thị Thanh H1 vay của chị H 55.000 Franc Thụy Sĩ (tương đương

tiền Việt Nam số tiền 1.176.000.000 đồng). Do bà H1 không có tài sản thế chấp nên chị H mới về Việt Nam gặp ông Th (ông ngoại chị T) yêu cầu ông Th cầm cố giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất của vợ chồng ông Th cho chị H. Sự việc diễn ra như lời trình bày của ông Phạm Văn Th. Lãi suất trong hợp đồng vay tiền là 01% nhưng thỏa thuận bên ngoài giữa bà H1 với chị H là 2.000 Franc Thụy Sĩ /tháng và bà H1 trả được 12 tháng không trả nữa. Vì vậy, chị H yêu cầu bà H1 vô hiệu hết để lấy tiền trả lãi cho chị H nhưng bà H1 không trả nổi nên chị H yêu cầu bà H1 viết giấy nợ hiệu khoảng 20.000 Franc. Đến cuối năm 2018, bà H1 có làm giấy mượn lại giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở mà ông Th đã giao cho chị H để vay tiền trả nợ nhưng không được nên tiếp tục giao giấy đất cho chị H giữ, việc này thể hiện tại phần cuối trang giấy học sinh phần ghi “BachLe – Phạm H1”. Sau đó, chị T có trả tiền lãi cho chị H được 44.500.000 đồng. Nay chị T là đồng ý trả cho chị H tiền gốc là 1.176.575.000 đồng, không đồng ý trả tiền lãi vì bà H1 (mẹ chị) đã trả cho chị H số tiền 24.000 Franc Thụy Sĩ (tương đương 500.000.000 đồng Việt Nam), việc trả không có chứng từ.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số: 04/2020/DS-ST ngày 02 tháng 3 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Căn cứ Điều 463, 464, 466, 468, 470, 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 68, 71, 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mộng H đối với ông Phạm Văn Th, chị Ngô Phương T.

Buộc ông Phạm Văn Th, chị Ngô Phương T liên đới có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Mộng H tổng số tiền là 1.688.007.000 (một tỷ sáu trăm tám mươi tám triệu không trăm lẻ bảy nghìn) đồng, trong đó tiền gốc là 1.176.575.000 đồng, tiền lãi là 511.432.000 đồng.

Buộc chị Nguyễn Thị Mộng H có nghĩa vụ giao lại Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số: 4501020327 (số thửa 64, tờ bản đồ 17, diện tích sử dụng 307,60 m²) do Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh cấp ngày 11-4-2001 (bản chính) cho ông Phạm Văn Th.

- Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 16 tháng 3 năm 2020, chị Nguyễn Thị Mộng H có đơn kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm buộc ông Phạm Văn Th, chị Ngô Phương T có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Mộng H tổng số tiền là 1.688.007.000 đồng (làm tròn 1.689.000.000 đồng) tính đến ngày 26-02-2020; chị H trả giấy chứng nhận quyền

sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở do Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh cấp ngày 11-4-2001 (bản chính) cho ông Th đồng thời với việc ông Th, bà T trả hết nợ gốc, lãi cho bà H, tiền lãi tiếp tục tính tiếp từ ngày xét xử sơ thẩm đến thời điểm ông Th, chị T trả hết nợ.

Ngày 17 tháng 3 năm 2020, ông Phạm Văn Th có đơn kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với ông.

Ngày 17 tháng 3 năm 2020, chị Ngô Phương T có đơn kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm không buộc ông Th liên đới với chị trả nợ cho chị H; không chấp nhận trả tiền lãi 511.432.000 đồng vì bà H1 (mẹ chị) đã trả lãi rất nhiều cho chị H.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người đại diện hợp pháp của chị H là anh Huy, anh Tuyên giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Luật sư Việt trình bày: Do ông Th giao giấy tờ nhà đất cho chị H làm tin nên chị H mới cho chị T, ông Th vay tiền; ngay từ ban đầu chị H cho ông Th vay tiền khi đến công chứng do ông Th cao tuổi nên chị T mới ký hợp đồng thay, giấy vay nợ và hợp đồng vay ngày 22-4-2016 tại Phòng Công chứng khớp nhau, không có chứng cứ ông Th và chị H hủy giấy tay vay nợ, giấy tờ nhà đất đến thời điểm này chị H vẫn còn giữ, ông Th là người sở hữu 70% tài sản này nên ông mới giao giấy tờ nhà đất cho chị H để làm tin do đó ông Th phải có nghĩa vụ liên đới với chị T trả nợ cho chị H là phù hợp. Ông Th không có đơn phản tố yêu cầu chị H trả giấy tờ đất cho ông, cấp sơ thẩm giải quyết chung là không đúng pháp luật. Tuy nhiên, chị H vẫn đồng ý trả giấy tờ đất cho ông Th song song với việc ông Th trả nợ đầy đủ cho chị H. Do đó, đề nghị giữ nguyên án sơ thẩm, bổ sung thêm cụm từ “chị H trả giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở do Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh cấp ngày 11-4-2001 (bản chính) cho ông Th đồng thời với việc ông Th, chị T trả hết nợ gốc, lãi cho chị H”.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày: Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo của chị T, ông Th:

Đối với chị T: Thừa nhận số nợ gốc là 1.176.575.000 đồng, đã trả được 44.500.000 đồng tiền lãi, mẹ chị T là bà H1 đã trả cho chị H số tiền 24.000 Franc Thụy Sĩ (tương đương 500.000.000 đồng Việt Nam) nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đối với số tiền lãi.

Đối với ông Th: Ông không phải là người giao giấy tờ đất cho chị H, không có vay nợ chị H, không có nhận tiền của chị H, giấy tờ nhà đất của ông Th là do bà H1 (mẹ chị T) giao cho chị H, có lần chị H trả giấy tờ đất của ông Th cho bà H1. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không buộc ông Th trả nợ cho chị H.

Ý kiến của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của chị H, ông Th, chấp nhận một phần kháng cáo của chị T về tính lãi suất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến Đại diện Viện kiểm sát, xét kháng cáo của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Các đương sự làm đơn kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định, phù hợp tại Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

- Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của chị H, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị H yêu cầu ông Phạm Văn Th, chị Ngô Phương T liên đới trả nợ cho chị H tiền gốc, tiền lãi là 1.688.007.000 đồng như án sơ thẩm đã tuyên. Chị H chỉ trả giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở do Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh cấp ngày 11-4-2001 (bản chính) cho ông Th đồng thời với việc ông Th, chị T trả hết nợ gốc, lãi cho chị H, tiền lãi tiếp tục tính tiếp từ ngày xét xử sơ thẩm đến thời điểm ông Th, chị T trả hết nợ.

- Người đại diện cho chị T, ông Th yêu cầu: Không buộc ông Th, chị T liên đới nghĩa vụ trả nợ cho chị H. Chị T chỉ đồng ý trả tiền gốc cho chị H, không đồng ý trả lãi.

- Do không có việc thế chấp tài sản đảm bảo nợ vay, nên cấp sơ thẩm không đưa những người con của ông Th, bà Tuyết vào tham gia tố tụng là phù hợp với quy định tại Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án ông Th có nộp văn bản yêu cầu trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền

sở hữu nhà ở. Nhận thấy, giấy tờ này có liên quan đến việc tranh chấp nên cấp sơ thẩm giải quyết yêu cầu này của ông Th trong cùng vụ án là phù hợp.

[3]. Xét yêu cầu của các đương sự thấy rằng:

[3.1]. Về chứng cứ: Nguyên đơn xuất trình hợp đồng vay tiền ngày 22-4-2016, có chữ ký của chị H và chị T, nội dung thỏa thuận chị T vay của chị H số tiền 1.176.575.000 đồng, thời hạn 36 tháng, lãi suất 01%/tháng, hợp đồng có công chứng chứng thực, trong đơn kháng cáo chị T cũng thừa nhận vay số tiền trên của chị H, chị T đồng ý trả tiền gốc cho chị H, nên có căn cứ kết luận chị T có vay nợ chị H số tiền trên là đúng.

[3.2]. Xét về nghĩa vụ trả nợ:

- Đối với ông Th: Chị H cho rằng, số nợ vay trên là do ông Th cùng với chị T vay của chị, chứng cứ là giấy tay ngày 22-4-2016 có chữ ký của ông Th nên chị H yêu cầu ông Th phải chịu trách nhiệm liên đới với chị T trả nợ cho chị. Yêu cầu của chị H là không có cơ sở bởi lẽ: Không có chứng cứ chứng minh ông Th nhận tiền vay của chị H, giấy nợ viết tay ngày 22-4-2016 chỉ là thỏa thuận ban đầu trước khi các bên đến Phòng Công chứng nhờ chứng thực, lúc này giữa hai bên chưa phát sinh quyền và nghĩa vụ do chưa giao nhận tiền, khi Công chứng viên từ chối công chứng hợp đồng lý do “ông Th tuổi cao, tài sản đồng sở hữu với người khác” thì tại thời điểm này cũng chấm dứt giao dịch vay nợ xác lập giữa chị H đối với ông Th và cũng trong thời gian này chị H đã lựa chọn ký hợp đồng vay tiền với chị T. Ngoài ra, trong hợp đồng vay tài sản ký giữa chị H và chị T không có chứng cứ nào chứng minh ông Th bảo lãnh nợ cho chị T bằng tài sản của ông, chị T2 người làm chứng cũng trình bày không thấy chị H giao tiền cho ông Th khi ký giấy tay trước khi đến Phòng Công chứng. Do đó, lời trình bày của ông Th, chị T là có cơ sở. Ông Th không có nghĩa vụ liên đới trả số nợ trên cho chị H. Cấp sơ thẩm buộc ông Th phải có nghĩa vụ liên đới với chị T trả nợ cho chị H là không có căn cứ theo quy định tại Điều 298 của Bộ luật Dân sự năm 2005. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Th, chị T, không chấp nhận kháng cáo của chị H, sửa án sơ thẩm phần nghĩa vụ liên đới, chỉ buộc một mình chị T trả nợ cho chị H là có căn cứ. Chị H giữ giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở (bản chính) của ông Th là không đúng, giấy tờ này không phải là tài sản thế chấp nên chị H phải có nghĩa vụ trả lại cho ông Th là phù hợp tại Điều 256 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

[3.3]. Về tiền lãi:

Chị T cho rằng bà H1 đã trả lãi cho chị H số tiền 24.000 Franc Thụy Sĩ (tương đương 500.000.000 đồng tiền Việt Nam) nhưng chị không đề xuất được chứng cứ chứng minh khoản tiền này, nên chỉ chấp nhận số tiền lãi chị T đã trả 44.500.000 đồng được chị H thừa nhận là có căn cứ. Xét thấy, hợp đồng vay giữa chị H và chị T các bên có thỏa thuận lãi suất 01%/tháng phù hợp với quy định của

pháp luật. Chị T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên chị T phải tiếp tục trả tiền lãi cho chị H theo quy định tại Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005. Theo hợp đồng, bên vay nhận đủ tiền từ ngày 26-4-2016; thời hạn bên vay phải trả lãi bắt đầu từ ngày 26-5-2016 đến hết ngày 26-5-2019 là 36 tháng (tương đương 36%) được chiết tính như sau:

- Lãi trong hạn, tính từ ngày 26-5-2016 đến 26-5-2019: Vốn vay 1.176.575.000 đồng x 01%/tháng x 36 tháng = 423.567.000 đồng.

- Lãi suất quá hạn, tại cấp sơ thẩm nguyên đơn yêu cầu tính mức 1,125%/tháng, xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là hợp lý nên lãi suất quá hạn được tính như sau:

Vốn vay 1.176.575.000 đồng x 1,125%/tháng, (tính từ ngày 26-6-2019 đến ngày xét xử sơ thẩm 26-02-2020 là 09 tháng, thành tiền = 119.128.218 đồng.

Cộng các khoản lãi = 542.695.218 đồng, khấu trừ số tiền lãi chị T đã trả là 44.500.000 đồng, còn lại 498.195.218 đồng (viết tròn số là 498.195.000 đồng).

Như vậy, tiền gốc và tiền lãi chị Ngô Phương T phải trả cho chị Nguyễn Thị Mộng H tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 1.674.770.000 (một tỷ sáu trăm bảy mươi bốn triệu bảy trăm bảy mươi nghìn) đồng phù hợp theo quy định tại Điều 471, 474, 476 của Bộ luật Dân sự 2005 và Điều 4 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Cấp sơ thẩm tính lãi suất từ ngày 22-4-2016 và quyết định tổng cộng các khoản gốc, lãi tổng số tiền là 1.688.007.000 đồng là không chính xác cần sửa án cho phù hợp.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị Nguyễn Thị Mộng H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Chị Ngô Phương T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14. Cụ thể: Số tiền phải thanh toán là 1.674.770.000 đồng, phải chịu án phí là 36.000.000 đồng + (874.770.000 đồng x 03%) = 62.243.100 đồng (viết tròn số là 62.243.000 đồng).

- Ông Phạm Văn Th không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa án nên chị T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; chị H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14.

[6] Ý kiến của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh: Đề nghị chấp nhận một phần kháng cáo của chị T, không chấp nhận kháng cáo của chị H là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận. Đối với đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông Th là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 308, 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị Mộng H;
- Chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Văn Th;
- Chấp nhận một phần kháng cáo chị Ngô Phương T.

Sửa Bản án Dân sự sơ thẩm số: 04/2020/DS-ST ngày 02 tháng 3 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, **tỉnh Tây Ninh**.

Căn cứ Điều 471, 474, 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 26, khoản 1, 2 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản của chị Nguyễn Thị Mộng H đối với ông Phạm Văn Th.

2. Ông Phạm Văn Th không có nghĩa vụ trả nợ cho chị Nguyễn Thị Mộng H; buộc chị Nguyễn Thị Mộng H có nghĩa vụ giao lại Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số: 4501020327 (số thửa 64, tờ bản đồ 17, diện tích sử dụng 307,60 m²) do Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh cấp ngày 11-4-2001 (bản chính) cho ông Phạm Văn Th.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản của chị Nguyễn Thị Mộng H đối với chị Ngô Phương T;

Buộc chị Ngô Phương T có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Mộng H tổng số tiền là 1.674.770.000 (một tỷ sáu trăm bảy mươi bốn triệu bảy trăm bảy mươi nghìn) đồng, trong đó tiền gốc là 1.176.575.000đ, tiền lãi là 498.195.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị Ngô Phương T phải chịu số tiền 62.243.000 đồng (sáu mươi hai triệu hai trăm bốn mươi ba nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho chị Nguyễn Thị Mộng H số tiền 29.335.000 (hai mươi chín triệu ba trăm ba mươi lăm nghìn) đồng tạm ứng án phí sơ thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0007366 ngày 06-8-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm:

- Chị Nguyễn Thị Mộng H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng chị H đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo

Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0002396 ngày 20-3-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, (chị H đã nộp đủ án phí phúc thẩm).

- Hoàn trả cho chị Ngô Phương T số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002397 ngày 20-3-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, khấu trừ vào số tiền án phí sơ thẩm chị T phải nộp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TP.Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- CCTHADS TP.Tây Ninh;
- Phòng Kiểm tra nghiệp vụ;
- Các đương sự;
- Lưu tập án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Văn Tâm